TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-3-2018
V/v Ly hôn giữa
Chị Bé H và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Võ Thị Thanh Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành**

2. Ông **Nguyễn Văn Hải**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Võ Thị Lệ Trinh** là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Nhật T**, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé H trình bày: Chị và anh Nguyễn Nhật T cưới nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 09/5/2011 tại UBND phường 3, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới, chị về làm dâu bên chồng, theo chị vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, anh T không lo làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay. Thời gian sống ly thân, cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/6/2011, hiện con đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu B và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: không có tài sản chung.

Về nợ: không có nợ chung.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Nhật T vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị Bé H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Nhật T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn anh Nguyễn Nhật T đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Nhật T cưới nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Bé H nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống, anh T không lo làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay nhưng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm nên chị Bé H yêu cầu được ly hôn với anh T.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án, chứng tỏ anh Tr không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị Bé H để vợ chồng đoàn tụ, chị Bé H cương quyết ly hôn vì cho rằng vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bé H và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Bé H yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bé H.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo chứng cứ do chị Bé H cung cấp, chị Bé H và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/6/2011, hiện cháu B đang sống với chị Bé H. Khi ly hôn, chị Bé H yêu cầu được tiếp tục nuôi

con chung. Xét thấy, hiện chị Bé H là người trực tiếp nuôi cháu B, anh T không có ý kiến về con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định, bình thường của cháu, Hội đồng xét xử quyết định cho chị Bé H được tiếp tục nuôi cháu B.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bé H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản và nợ: Do anh T không có văn bản trình bày về vấn đề này, chị Bé H xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bé H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Bé H và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Nhật T.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Bé H được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/6/2011. Anh Nguyễn Nhật T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bé H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000661 ngày 03/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Nhung